

BỘ TÀI CHÍNH**QUYẾT ĐỊNH của Bộ trưởng Bộ Tài chính số 87/2004/QĐ-BTC ngày 18/11/2004 về việc quy định mức thu và quản lý, sử dụng phí sử dụng Cảng và Khu neo đậu tàu Bạch Long Vỹ, thành phố Hải Phòng.****BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH**

Căn cứ Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03/6/2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Phí và lệ phí;

Căn cứ Nghị định số 77/2003/NĐ-CP ngày 01/7/2003 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng (tại Công văn số 3897/CV-UB ngày 21/8/2002 và Công văn số 2888/CV-UB ngày 28/6/2004) và theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Chính sách thuế,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này biểu mức thu phí sử dụng Cảng và Khu neo đậu tàu Bạch Long Vỹ, thành phố Hải Phòng.

Đối tượng áp dụng mức thu phí quy định tại Quyết định này là các tàu đánh bắt và thu mua hải sản, các phương tiện vận tải hải sản, hàng hóa là sản phẩm từ hải sản, hàng hóa phục vụ việc đánh bắt, thu mua và bảo quản hải sản qua Cảng và Khu neo đậu tàu Bạch Long Vỹ.

Điều 2. Ban quản lý Cảng và Khu neo đậu tàu Bạch Long Vỹ được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giao tổ chức quản lý hoạt động Cảng và Khu neo đậu tàu Bạch Long Vỹ có trách nhiệm thu phí sử dụng Cảng và Khu neo đậu tàu Bạch Long Vỹ (sau đây gọi là đơn vị thu phí) theo mức thu quy định tại Quyết định này.

Đối với các tàu thủy hoạt động vận tải hàng hóa, hành khách cập cảng, Ban Quản lý Cảng và Khu neo đậu tàu Bạch Long Vỹ được phép thu phí sử dụng cầu, bến, phao neo thuộc khu vực cảng biển, với mức thu theo quy định của pháp luật hiện hành về phí, lệ phí hàng hải.

Điều 3. Tiền thu phí sử dụng Cảng và Khu neo đậu tàu Bạch Long Vỹ quy định tại Quyết định này là khoản thu thuộc ngân sách nhà nước, được quản lý, sử dụng như sau:

1. Đơn vị thu phí sử dụng Cảng và Khu neo đậu tàu Bạch Long Vỹ được để lại 90% số tiền phí thu được để trang trải chi phí cho việc thu phí theo nội dung chi quy định tại điểm 4-b Mục C Phần III của Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24/7/2002 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện các quy định pháp luật về phí và lệ phí;

2. Đơn vị thu phí sử dụng Cảng và Khu neo đậu tàu Bạch Long Vỹ có trách nhiệm kê khai, nộp và quyết toán 10% số tiền phí thu được vào ngân sách nhà nước theo quy định của mục lục ngân sách nhà nước hiện hành và quy định tại Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24/7/2002 của Bộ Tài chính.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

Các vấn đề khác liên quan đến việc thu, nộp, quản lý và sử dụng phí không đề cập tại Quyết định này được thực hiện

theo hướng dẫn tại Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24/7/2002 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện các quy định pháp luật về phí và lệ phí.

Điều 5. Tổ chức, cá nhân thuộc đối tượng phải nộp phí, đơn vị được giao nhiệm vụ tổ chức thu phí sử dụng Cảng và Khu neo đậu tàu Bạch Long Vỹ và các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

KT. BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH

Thủ trưởng

Trương Chí Trung

**BIỂU MỨC THU PHÍ SỬ DỤNG CẢNG VÀ KHU NEO ĐẬU
TÀU BẠCH LONG VỸ, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**
(ban hành kèm theo Quyết định số 87/2004/QĐ-BTC ngày 18
tháng 11 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Tài chính).

Số thứ tự	Đối tượng thu	Đơn vị tính	Mức thu (đồng)	
			Mức thu ngày đầu	Mức thu từ ngày thứ hai trở đi
I	Tàu đánh bắt và vận tải hải sản cập bến cảng			
1	Tàu có trọng tải dưới 10 tấn	Một lần vào, ra (1h - 24h)	7.500	5.000
2	Tàu có trọng tải từ 10 tấn đến 20 tấn	- nt -	10.000	7.500
3	Tàu có trọng tải từ 21 tấn đến 50 tấn	- nt -	15.000	10.000
4	Tàu có trọng tải từ 51 tấn đến 100 tấn	- nt -	25.000	15.000
5	Tàu có trọng tải từ 100 đến 250 tấn	- nt -	40.000	20.000
6	Tàu có trọng tải trên 250 tấn	- nt -	50.000	30.000
II	Các phương tiện vận tải và hàng hóa qua cảng; sử dụng diện tích bến bãi trong cảng để tập kết hàng hóa			
1	Các phương tiện vận tải hải sản			
a)	Xe máy hai bánh chở hàng	Một lần vào, ra cảng	500	

09638448

b)	Xe công nông có trọng tải dưới 1 tấn	- nt -	1.500	
c)	Xe có trọng tải từ 1 tấn đến 2,5 tấn	- nt -	2.500	
d)	Xe có trọng tải từ 2,5 tấn đến 5 tấn	- nt -	4.000	
đ)	Xe có trọng tải từ 5 tấn đến 10 tấn	- nt -	5.000	
e)	Xe có trọng tải từ 10 tấn đến 15 tấn	- nt -	7.500	
g)	Xe có trọng tải trên 15 tấn	- nt -	12.500	
2	Hàng hóa			
a)	Hàng hải sản tươi sống	Tấn	5.000	
b)	Đá lạnh			
	- Đá cây (50 kg/cây)	Cây	100	
	- Đá xay, vẩy	Tấn	4.000	
c)	Nước ngọt	m ³	500	
d)	Xăng các loại	Lít	15	
đ)	Dầu Diesel	Lít	10	
e)	Các loại cát, đá, gỗ	Tấn	2.000	
g)	Xi măng các loại	Tấn	5.000	
h)	Sắt, thép các loại	Tấn	5.000	
3	Sử dụng diện tích bến bãi trong cảng để tập kết hàng hóa			
a)	Làm lưới, công cụ sản xuất	1m ² /ngày	400	
b)	Cát, đá các loại	1m ³ /ngày	600	
c)	Gạch, ngói, xi măng, sắt thép	1m ² /ngày	800	
III	Tàu neo đậu trong âu			
1	Tàu đánh bắt hải sản			
a)	Tàu có trọng tải dưới 20 tấn	Một lần vào, ra (1h - 24h)	10.000	5.000
b)	Tàu có trọng tải từ 20 tấn đến 50 tấn	- nt -	15.000	7.500
c)	Tàu có trọng tải từ trên 50 tấn đến 100 tấn	- nt -	20.000	10.000
d)	Tàu có trọng tải từ trên 100 tấn đến 250 tấn	- nt -	25.000	12.500
đ)	Tàu có trọng tải trên 250 tấn	- nt -	30.000	15.000
2	Tàu thu mua hải sản			
a)	Tàu có trọng tải dưới 20 tấn	- nt -	12.500	5.000
b)	Tàu có trọng tải từ 20 tấn đến 50 tấn	- nt -	15.000	7.500
c)	Tàu có trọng tải trên 50 tấn	- nt -	20.000	10.000

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Điện thoại: 8233947

In tại Xí nghiệp Bản đồ 1 - Bộ Quốc phòng

09638448

LawSoft - Tel: +84-8-3845 6684 - www.ThuVienPhapLuat.com